

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 02 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
I	CẤP TỈNH							
1	5.003115	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Công Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
2	5.003116	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm	23 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Công	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP,	

¹ Nội dung TTHC thực hiện theo quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
		quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.		Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
3	1.014839	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
4	5.000977	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	18 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
II	CẤP XÃ							
1	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
A	CẤP TỈNH							
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM							
1	1.012687	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	18 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
2	1.000084	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	

² Nội dung TTHC thực hiện theo quyết định số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
3	1.000081	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
4	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ (Sở Nông nghiệp và Môi trường). - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
5	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- 16 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng; - 28 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
6	1.012692	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	- 16 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng;	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			- 28 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các Bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng					
7	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	08 ngày kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Toàn trình)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
8	1.012690	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	15 ngày kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
9	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- Trường hợp không có thông tin vi phạm: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có thông tin vi phạm: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
10	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Người có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Nghị định số 58/2024/ NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
11	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến qua Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ở địa phương không có cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc nơi có cơ sở chế biến gỗ của doanh nghiệp.	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
II CẤP XÃ								
1	1.012922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	03 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Người có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	- Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
2	1.012694	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	08 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	- Nghị định số 156/2018/ NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	
3	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	09 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. - Người có thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.	Không	- Nghị định số 58/2024/ NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Cơ quan giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
4	1.012531	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	12 ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Một phần)	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã. - Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không	- Nghị định số 58/2024/ NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.	